

Số: 207 /QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 14 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra tỉnh Điện Biên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3164/QĐ-TTCP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Thanh tra Chính phủ về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra tỉnh Điện Biên. Cụ thể như sau:

- Thủ tục hành chính lĩnh vực khiếu nại, tố cáo: 14 TTHC, trong đó 05 TTHC cấp tỉnh, 05 TTHC cấp huyện và 04 TTHC cấp xã;
- Thủ tục hành chính lĩnh vực phòng, chống tham nhũng: 05 TTHC.

(có danh mục TTHC kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra tỉnh Điện Biên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chánh Thanh tra tỉnh; Thủ trưởng các cơ chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *h*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- Trung tâm Công báo, Tin học - VPUBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.



Mùa A Sơn



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ
NHÀ NƯỚC CỦA THANH TRA TỈNH ĐIỆN BIÊN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 207 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

A. LĨNH VỰC KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh	Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.	- Trụ sở tiếp công dân tỉnh; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.	Không quy định	- Luật khiếu nại số 02/2011/QH13; - Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; - Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; - Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.
2	Giải quyết khiếu nại lần	Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày, kể từ	- Trụ sở tiếp công dân tỉnh;	Không quy định	- Luật khiếu nại số 02/2011/QH13; - Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày

	hai tại cấp tỉnh	<p>ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.</p> <p>Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.</p>	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.		<p>3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại;</p> <p>- Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính;</p> <p>- Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.</p>
3	Giải quyết tố cáo cấp tỉnh	Theo quy định tại Điều 21 Luật tố cáo: thời hạn giải quyết tố cáo là 60 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày.	<p>- Trụ sở tiếp công dân tỉnh;</p> <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.</p>	Không quy định	<p>- Luật tố cáo số 03/2011/QH13;</p> <p>- Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật tố cáo;</p> <p>- Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo.</p>
4	Tiếp công dân tại cấp	Theo khoản 1 điều 28 Luật Tiếp công dân: Trong thời hạn 10 ngày	- Trụ sở tiếp công dân tỉnh;	Không quy định	<p>- Luật tiếp công dân số 42/2013/QH13;</p> <p>- Luật khiếu nại số 02/2011/QH13;</p>

	tỉnh	làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	- Địa điểm tiếp công dân của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.		- Luật tố cáo số 03/2011/QH13; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tố cáo; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiếp công dân; - Thông tư số 06/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 quy định quy trình tiếp công dân.
5	Xử lý đơn thư tại cấp tỉnh	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	- Trụ sở tiếp công dân tỉnh; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.	Không quy định	- Luật khiếu nại số 02/2011/QH13; - Luật tố cáo số 03/2011/QH13; - Luật tiếp công dân số 42/2013/QH13; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tố cáo; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết một số điều

					của Luật tiếp công dân; - Thông tư số 07/2014/TT-TTCTP ngày 31/10/2014 quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.
--	--	--	--	--	--

II. THỦ TỤC HÀNH HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện	Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện.	Không quy định	- Luật khiếu nại số 02/2011/QH13; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; - Thông tư số 07/2013/TT-TTCTP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; - Thông tư số 02/2016/TT-TTCTP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCTP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.
2	Giải quyết	Thời hạn giải quyết khiếu nại lần	Bộ phận tiếp nhận và	Không	- Luật khiếu nại số 02/2011/QH13;

	<p> khiếu nại lần hai tại cấp huyện</p>	<p> hai không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.</p> <p> Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.</p>	<p> trả kết quả thuộc UBND cấp huyện.</p>	<p> quy định</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; - Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; - Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.
3	<p> Giải quyết tố cáo cấp huyện</p>	<p> Theo quy định tại Điều 21 Luật tố cáo: thời hạn giải quyết tố cáo là 60 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày.</p>	<p> Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện.</p>	<p> Không quy định</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật tố cáo số 03/2011/QH13; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật tố cáo; - Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo.
4	<p> Tiếp công</p>	<p> Theo khoản 1 điều 28 Luật Tiếp</p>	<p> - Trụ sở tiếp công dân</p>	<p> Không</p>	<p> - Luật tiếp công dân số 42/2013/QH13;</p>

	dân tại cấp huyện	công dân: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	cấp huyện. - Địa điểm tiếp công dân của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.	quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khiếu nại số 02/2011/QH13; - Luật tố cáo số 03/2011/QH13; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tố cáo; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiếp công dân; - Thông tư số 06/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 quy định quy trình tiếp công dân.
5	Xử lý đơn thư tại cấp huyện	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện.	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khiếu nại số 02/2011/QH13; - Luật tố cáo số 03/2011/QH13; - Luật tiếp công dân số 42/2013/QH13; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tố cáo; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày

					<p>26/6/2014 quy định chi tiết một số điều của Luật tiếp công dân;</p> <p>- Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.</p>
--	--	--	--	--	--

III. THỦ TỤC HÀNH HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã.	Không quy định	<p>- Luật khiếu nại số 02/2011/QH13;</p> <p>- Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại;</p> <p>- Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính;</p> <p>- Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải</p>

					quyết khiếu nại hành chính.
2	Giải quyết tố cáo tại cấp xã	Theo quy định tại Điều 21 Luật tố cáo: thời hạn giải quyết tố cáo là 60 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã.	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật tố cáo số 03/2011/QH13; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật tố cáo; - Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo.
3	Tiếp công dân tại cấp xã	Theo khoản 1 điều 28 Luật Tiếp công dân: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Trụ sở UBND cấp xã	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật tiếp công dân số 42/2013/QH13; - Luật khiếu nại số 02/2011/QH13; - Luật tố cáo số 03/2011/QH13; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tố cáo; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiếp công dân;

					- Thông tư số 06/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 quy định quy trình tiếp công dân.
4	Xử lý đơn thư tại cấp xã	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khiếu nại số 02/2011/QH13; - Luật tố cáo số 03/2011/QH13; - Luật tiếp công dân số 42/2013/QH13; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tố cáo; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết một số điều của Luật tiếp công dân; - Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.

B. LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục kê khai tài sản,	Thời gian phê duyệt danh sách kê khai chậm nhất là ngày 30 tháng	Các cơ quan, đơn vị của người có nghĩa	Không quy định	- Luật phòng chống tham nhũng số 55/2005/QH11;

	thu nhập	11 hàng năm; việc kê khai phải hoàn thành chậm nhất là ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc giao nhận Bản kê khai phải hoàn thành chậm nhất vào ngày 31 tháng 03 của năm sau.	vụ phải kê khai		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập; - Thông tư số 08/2013/TT-TTCT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ, hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập.
2	Thủ tục công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập	Thời điểm công khai được thực hiện trong khoảng thời gian từ sau khi hoàn thành việc kiểm tra Bản kê khai quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 08/2013/TT-TTCT đến ngày 31 tháng 3 hàng năm.	Các cơ quan, đơn vị của người có nghĩa vụ phải kê khai	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật phòng chống tham nhũng số 55/2005/QH11; - Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập; - Thông tư số 08/2013/TT-TTCT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ, hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập.
3	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	Thời hạn xác minh là 15 ngày làm việc, trường hợp phức tạp thì thời hạn tối đa không quá 30 ngày làm việc.	Xác minh tài sản, thu nhập được thực hiện tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị.	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật phòng chống tham nhũng số 55/2005/QH11; - Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập; - Thông tư số 08/2013/TT-TTCT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ, hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập.
4	Thủ tục tiếp	Thời hạn ra thông báo tiếp nhận	Cơ quan hành chính	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày

